TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Trọng Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Văn Hoàn

2. Ông Trịnh Văn Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M - Sinh năm: 1985

Trú quán: Thôn T, xã T, Huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn* : Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1981

Trú quán: Thôn T, xã T, Huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa (lần 2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trịnh Thị T – Sinh năm 1957

Trú quán: Thôn T, xã T, Huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2017, bản tự khai ngày 13/4/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác của chị Lê Thị M (nguyên đơn) giao nộp thể hiện nội dung vụ án như sau: Chị Lê Thị M kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 29/8/2005 trên cơ sự tự nguyện, đã được UBND xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: do tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng xảy ra trầm trọng. Khi chị M quyết định làm đơn ly hôn chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị M khai vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Thu H - Sinh ngày 22 tháng 05 năm 2006 và Nguyễn Mạnh H – Sinh ngày 27 tháng 5 năm 2010. Khi ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho cả hai con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M khai vợ chồng chị có những tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 Bình nóng lạnh, 01 máy cày bừa, 01 xe tự chế, 01 máy gặt lúa đều là tài sản đã qua sử dụng; Khi ly hôn chị đề nghị chia đôi số tài sản trên.

Ngoài ra trong thời gian sống chung cùng gia đình nhà chồng chị có đóng góp công sức xây 01 nhà ngang cấp bốn, nhà tắm, nhà vệ sinh, nuôi cặp bò mẹ + bê, và một con bò 13 tháng tuổi mẹ chồng là bà T đã bán được 13.000.000đ bà T đang giữ tiền, Trát lại tường và lát nền gạch hoa nhà chính nằm trên diện tích đất của bà Trịnh Thị T tại Thôn T, xã T, Huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Chị đề nghị chia công sức đóng góp cho chị.

Về công nợ: Chị M khai vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 4 năm 2016 anh T thừa nhận về tình trạng hôn nhân của vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 29/8/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài nay anh bị bệnh thị chị M tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở và yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Thu H - Sinh ngày 22 tháng 05 năm 2006 và Nguyễn Mạnh H – Sinh ngày 27 tháng 5 năm 2010. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước, 01 Bình nóng lạnh, 01 máy cày bừa, 01 xe tự chế, 01 máy gặt lúa đều là tài sản đã qua sử dụng; Ngoài ra vợ chồng còn có 40.000.000đ chị M đang gửi tiết kiệm bưu điện. Anh T đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ về khoản tiền này. Khi ly hôn anh đề nghị không chia tài sản cho chị M vì chị tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở.

Về công nợ: Anh T khai vợ chồng có nợ anh Nguyễn Đức H thôn T, xã T 3.000.000đ; anh Phạm Văn L thôn T, xã T 6.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thường 2.000.000đ anh tự trả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải ngày 15 tháng 5 năm 2017 chị M, anh T thống nhất được phần hôn nhân còn các vấn đề khác không thống nhất được.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho họ được ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Thu H - Sinh ngày 22 tháng 05 năm 2006 và Nguyễn Mạnh H – Sinh ngày 27 tháng 5 năm 2010. Chị M và anh T đều đề nghị được nuôi cả hai con.

Về tài sản chung : Chị M đề nghị Tòa án thành lập hội đồng định giá và định giá số tài sản trên và chia đôi mỗi người một 1/2 giá trị. Anh T không đề nghị chia tài sản.

Về công nợ: Chị M khai vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T khai công nợ vợ chồng vay nhưng anh tự trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản định giá ngày 31/5/2017 thì tài sản chị M yêu cầu định giá gồm: Lát nền gạch hoa và trát tường nhà lớn 10.000.000đ; Nhà ngang cấp bốn 71.040.000đ; Nhà tắm 4.009.000đ; nhà vệ sinh 7.841.000đ; nhà bán bình mái lợp tôn không có tường bao quanh 7.695.000đ; tủ lạnh sanyo thể tích 130 lít giá trị 2.600.000đ; máy lọc nước panasonic 2.670.000đ; Bình nóng lạnh Kangaroo 1.300.000đ; máy cày bừa + còng còng tự chế giá trị 7.700.000đ; máy cắt lúa trị giá 1.566.000đ; Cặp bò + bê trị giá 15.000.000đ. Tổng cộng 131.421.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 02/8/2017 anh Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T vắng mặt nên Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐST – HNGĐ ngày 02/8/2017. Đến ngày 16/8/2017 Tòa án mở lại phiên tòa anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trịnh Thị T vắng mặt lần hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ: anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và đã sống ly thân vợ chồng không sinh hoạt chung. Như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Thu H - Sinh ngày 22 tháng 05 năm 2006 và Nguyễn Mạnh H – Sinh ngày 27 tháng 5 năm 2010. Chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị M và anh T là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai cần phải xem xét về quyền lợi của con chưa thành niên và điều kiện kinh tế của mỗi người. Hiện tại cháu Nguyễn Mạnh H đang ở với anh T, cháu Nguyễn Thu H đang ở với chị M và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thu H muốn được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu Nguyễn Mạnh H muốn được ở với bố. Do vậy giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung đang ở với mình là phù hợp không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng chị M và anh T có các tài sản chung và công sức đóng góp vào khối tài sản của gia đình chồng gồm: Lát nền gạch hoa và trát tường nhà lớn 10.000.000đ; Nhà ngang cấp bốn

71.040.000đ; Nhà tắm 4.009.000đ; nhà vệ sinh 7.841.000đ; nhà bán bình mái lợp tôn không có tường bao quanh 7.695.000đ; tủ lạnh sanyo thể tích 130 lít giá trị 2.600.000đ; máy lọc nước panasonic 2.670.000đ; Bình nóng lạnh Kangaroo 1.300.000đ; máy cày bừa + còng còng tự chế giá trị 7.700.000đ; máy cắt lúa trị giá 1.566.000đ; Cặp bò + bê trị giá 15.000.000đ. Tổng cộng 131.421.000đ. Tại phiên tòa chị Lê Thị M rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung và công sức đóng góp với gia đình nhà chồng. Nghĩ đây là sự tự nguyện của chị M và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên đình chỉ xét xử đối với phần chị M rút yêu cầu là phù hợp.

Về số tiền 40.000.000đ anh T trình bày là tài sản chung của vợ chồng, hiện chị M gửi tiết kiệm tại Bưu điện huyện Vĩnh Lộc. Nhưng qua xác minh thu thập chứng cứ ngành Bưu điện có văn bản trả lời "không có" nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh T.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Văn T thuộc đối tượng hộ cận nghèo, được UBND xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa xác nhận do đó chị M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, và anh T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị M với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh H – Sinh ngày 27 tháng 5 năm 2010. Giao cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày 22 tháng 05 năm 2006. Cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị M và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản và công sức đóng góp với gia đình nhà chồng của chị Lê Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về khoản tiền 40.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lê Thị M và án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Lê Thị M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh L;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Trọng Hiền